

# TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VỀ CÁC CON ĐƯỜNG GIAO LƯU VĂN HÓA QUỐC TẾ VÀ VẤN ĐỀ VẬN DỤNG TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG GIAO LƯU QUỐC TẾ Ở CÁC TRƯỜNG PHỔ THÔNG

OVERVIEW OF LITERATURE ON INTERNATIONAL CULTURAL EXCHANGE PATHWAYS AND APPLYING IN MANAGEMENT WITHIN VIETNAMESE HIGH SCHOOLS

PHAN THỊ THÚY QUYÊN, [pttquyen@iemh.edu.vn](mailto:pttquyen@iemh.edu.vn)

Trường Cán bộ quản lý giáo dục Thành phố Hồ Chí Minh

THÔNG TIN	TÓM TẮT
<p>Ngày nhận: 01/6/2024            Ngày nhận lại: 12/6/2024            Duyệt đăng: 20/6/2024            Mã số: TCKH-S02T6-2024-B03            ISSN: 2354 - 0788</p> <p><b>Từ khóa:</b>            Tổng quan, giao lưu văn hóa, quốc tế.</p> <p><b>Keywords:</b>            cultural exchange, international; overview</p>	<p><i>Giao lưu văn hóa quốc tế góp phần quan trọng vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và quảng bá hình ảnh giáo dục Việt Nam nói riêng, là phương tiện để phát huy sức mạnh mềm của Việt Nam với các nước trên thế giới. Ở một khía cạnh khác của thực tiễn, giao lưu văn hóa quốc tế đã tạo nên nhịp cầu nối mở đường cho nhiều lĩnh vực, đặc biệt là hoạt động kinh tế, xã hội, khoa học giáo dục... Bộ GD&amp;ĐT đã và đang vận dụng sự kết hợp giao lưu văn hóa quốc tế nhằm mục đích đẩy mạnh hiệu quả và chất lượng ngành giáo dục nói chung và ở các trường phổ thông nói riêng. Bài báo tổng quan các công trình nghiên cứu về các con đường giao lưu văn hóa quốc tế đã phổ biến đến các nước, đặc biệt giao lưu văn hóa quốc tế giữa các trường học trong ngành giáo dục. Đây cũng là tiền đề để vận dụng trong quản lý hoạt động giao lưu quốc tế ở các trường phổ thông Việt Nam giai đoạn hiện nay.</i></p> <p><b>ABSTRACT</b>  <i>International cultural exchange makes an important contribution to building an advanced Vietnamese culture imbued with national cultural identity in general and the promotion of the image of Vietnamese education in particular and is a means to promote Vietnam's soft power with other countries around the world. In another aspect of practice, international cultural exchange has created a bridge opening the way for many industries, especially economic, social, scientific and educational activities, etc. The Ministry of Education and Training has been promoting the combination of international cultural exchange to promote the efficiency and quality of the education sector in general and in high</i></p>

*schools in particular. This article provides a review of literature on international cultural exchange paths which have been popularized in other countries, especially international cultural exchange among schools in the education sector. This is also a premise for an application in the management of international exchange activities in Vietnamese high schools at present...*

## 1. Đặt vấn đề

Giao lưu văn hóa quốc tế giữa ngành giáo dục các nước nói chung và giữa các trường phổ thông nói riêng không nằm ngoài hiện tượng giao lưu văn hóa giữa các đất nước, các chủng tộc loài người. Do đó, nghiên cứu về giao lưu văn hóa quốc tế giữa các nhà trường trước hết là nghiên cứu về các con đường giao lưu văn hóa giữa các quốc gia, giữa các chủng tộc loài người trên toàn thế giới.

Nghiên cứu tổng quan về các con đường giao lưu văn hóa quốc tế là vấn đề cần thiết để hình thành cơ sở khoa học cho việc vận dụng các con đường đó vào trong thực tiễn quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế ở các nhà trường như một quy luật tất yếu và trên cơ sở đó giúp các nhà trường giải quyết những vấn đề thách thức xuất phát từ đặc thù về văn hoá và văn hoá quốc tế trong hoạt động giao lưu văn hoá và quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế ở các nhà trường trong bối cảnh hiện nay.

## 2. Nội dung nghiên cứu về các con đường giao lưu văn hóa quốc tế

### 2.1. Con đường di dân

Ngay từ thời kỳ tiền sử, sự tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa các cộng đồng/tộc người đã diễn ra. Có một số yếu tố chi phối hoạt động này nhưng chủ yếu là do các cuộc di dân tự nhiên (các nhà khoa học Truyền bá luận gọi đó là “thiên di”) xảy ra trong thời nguyên thủy và cổ, trung đại. Các cộng đồng/tộc người khác nhau, sau những cuộc di cư, đã đến với nhau, sống cạnh nhau, xen kẽ nhau, dẫn đến sự tiếp xúc và giao lưu văn hóa. Trải qua hàng nghìn năm, mỗi cộng đồng/tộc người một mặt bồi đắp nên bản sắc riêng của mình nhưng mặt khác góp

phần cùng các cộng đồng/tộc người lân bang tạo lập ra một vùng văn hóa với những đặc trưng riêng (Vũ Dương Ninh, 2012).

Phải kể đến đó là vùng văn hóa Nam Á, vùng Ả Rập, vùng Đông Nam Á, vùng Bắc Á ở phương Đông; vùng Bắc Âu, vùng Nam Âu, vùng Tây Âu, và vùng Đông Âu ở phương Tây. Sau thời kỳ trung cổ, có hai cuộc di dân lớn chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại đã được xác lập. Thứ nhất, đó là cuộc di dân của những người châu Âu, châu Á, châu Phi đến một châu lục mới, được tìm ra bởi nhà hàng hải Christopher Columbus và F. Magellan. Năm 1492, một đoàn thám hiểm do C. Columbus chỉ huy đã tới được quần đảo miền trung châu Mỹ nhưng ông lại tưởng là đã tới được Ấn Độ, ông gọi những người thổ dân ở đây là Indians. Sau này, một nhà hàng hải người Italia là Amerigo Vespucci mới phát hiện ra Ấn Độ của C. Columbus không phải là Ấn Độ mà là một vùng đất hoàn toàn mới đối với người châu Âu. Amerigo đã viết một cuốn sách để chứng minh điều đó. Vùng đất mới đó sau này mang tên America hay còn gọi là châu Mỹ (Bắc Mỹ). Từ năm 1519 đến 1522, F. Magellan đã cầm đầu đoàn thám hiểm Tây Ban Nha gồm 5 con tàu với 265 người lần đầu tiên đi vòng quanh thế giới, vượt Đại Tây Dương, tới bờ biển phía đông của châu Mỹ. Họ đi theo một eo biển hẹp gần cực nam của vùng đất mới và sang được đại dương mênh mông ở phía bên kia một cách thuận buồm xuôi gió và không gặp bất cứ một cơn bão đáng kể nào. Ông đặt tên cho đại dương mới đó là Thái Bình Dương và xác lập thêm vùng cực nam của châu Mỹ hay còn gọi là Nam Mỹ. Những người dân châu Âu, châu Á, châu Phi di cư sang châu Mỹ mang theo những thói quen, phong tục, tập

quán, tôn giáo, tín ngưỡng, văn học nghệ thuật... của dân tộc mình và sống đan xen với người của các dân tộc khác bao gồm cả thổ dân Indians. Sự tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa của các cộng đồng châu Mỹ để tạo ra sự đa dạng văn hóa là một điều tất yếu. Thứ hai, đó là cuộc di dân của những người châu Âu đến một châu lục mới khác nằm ở cực nam của Đông Nam Á. Cuộc đổ bộ đầu tiên lên vùng đất này do nhà hàng hải người Hà Lan là Willem Janszoon vào năm 1606, sau đó tổng cộng có 29 nhà hàng hải người nước này tiếp tục khám phá. Chính vì vậy, châu lục này (chủ yếu là nước Australia hiện nay) có tên là Tân Hà Lan. Một thế kỷ rưỡi sau đó, người Anh bắt đầu đổ bộ lên châu lục này, tạo ra những xung đột văn hóa với chính người Hà Lan đến trước và những người thổ dân bản địa. Trải qua bốn thế kỷ tiếp xúc và giao lưu, văn hóa châu Đại dương mang đậm chuẩn mực của văn hóa Anh nhưng vẫn có nét khoáng đạt, nhân văn của những người thổ dân bản địa. Ngoài các cuộc di dân lớn trong lịch sử nhân loại, hiện nay hoạt động di dân vẫn không ngừng diễn ra theo khuynh hướng đi từ vùng đất nghèo đói, có chiến tranh, nhiều bất ổn đến với các vùng đất thịnh vượng, hòa bình và ổn định. Bản thân trong mỗi quốc gia cũng diễn ra các cuộc di dân tự phát của người dân hoặc di dân chủ động theo định hướng của chính phủ.

Ở Việt Nam, hiện tượng tiếp xúc, giao lưu văn hóa sớm nhất cũng thông qua con đường di dân được xác định từ thời sơ sử. Trên vùng biên giới và lãnh thổ nước ta có ba nền văn hóa lớn, hoặc ba phức hệ văn hóa: phức hệ văn hóa Bà Trám - Sa Huỳnh, phức hệ văn hóa Phùng Nguyên - Đông Sơn và phức hệ văn hóa Đông Nai. Đây là ba đỉnh cao của văn hóa Đông Nam Á. Ba phức hệ văn hóa đó phát sinh từ nền tảng chung của văn hóa thời đại đá mới ở miền này với những tộc người Nam Á, Nam Đảo luôn có tiếp xúc và giao lưu văn hóa với nhau. Các phức hệ văn hóa này phát triển độc lập theo thể chân vạc ở miền Đông bán đảo Đông Dương, nhưng luôn có mối

quan hệ di cư qua lại nhiều chiều với nhau, bổ sung, làm phong phú cho nhau, đồng thời phát triển, giao lưu với nhiều nền văn hóa khác ở khu vực và phát triển thành ba nền văn minh lớn, ứng với ba quốc gia cổ: Văn Lang - Âu Lạc, Sa Huỳnh - Champa và Phù Nam, ba phức hệ văn hóa đó đều thu nhận nhiều yếu tố ngoại sinh và bản địa hóa các yếu tố ấy để phát triển.

Do vậy, những nền văn minh ấy đều sáng rực rỡ, lan tỏa ảnh hưởng ra toàn vùng Đông Nam Á (Trần Quốc Vượng, 2012). Quá trình di dân, đan xen các cộng đồng và tộc người trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam vẫn không ngừng diễn ra trong suốt quá trình lịch sử để tạo ra các vùng văn hóa: vùng Tây Bắc, vùng Việt Bắc, vùng châu thổ Bắc Bộ, vùng Trung Bộ, vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, vùng Nam Bộ. Trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhà nước chủ trương quy hoạch các vùng kinh tế trọng điểm, kéo theo việc giải phóng mặt bằng xây dựng, di dân sang các vùng sinh sống mới, phát triển sản xuất theo mô hình nông nghiệp hiện đại, đô thị hóa nông thôn (Lê Thị Kim Loan, 2016).

Chính điều đó, một mặt cưỡng bức một bộ phận cư dân phải di chuyển sang vùng đất mới, buộc phải tiếp xúc và giao lưu với cộng đồng dân cư đang sinh sống ổn định; mặt khác, những chính sách mới của chính phủ cũng có những lợi thế nhằm thu hút một bộ phận dân cư từ các vùng đất khác tình nguyện di cư về vùng đất được quy hoạch để tham gia sản xuất và sinh nhai. Các yếu tố văn hóa vùng, miền gần như được xóa nhòa và thay vào đó là sự hỗn dung, pha tạp các loại sắc thái văn hóa (A. SchultzEmily & H. LavendaRobert, 2001).

## **2.2. Con đường thương mại**

Trong lịch sử văn minh nhân loại, nền văn minh nông nghiệp là nền văn minh kéo dài nhất được xây dựng trên cơ sở vì lẽ sinh tồn của con người. Hoạt động nông nghiệp thời kỳ đầu chỉ đáp ứng nhu cầu về lương thực và thực phẩm của các cộng đồng. Về sau, với sự nỗ lực trong trồng trọt và chăn nuôi, các sản phẩm nông nghiệp dư thừa của một vài nhóm người đã tích trữ lại với

mục đích cung cấp cho các vùng thiếu thốn trên cơ sở trao đổi hàng hóa. Hoạt động thương mại sơ khai ra đời từ đó rồi dần dần giữ vai trò ngày càng quan trọng trong đời sống xã hội. Những con đường thương mại tầm xa xuất hiện lần đầu tiên vào thiên niên kỷ thứ ba TCN, khi những người Sumerians ở nền văn minh Lưỡng Hà buôn bán với nền văn minh Harappan ở lưu vực sông Ấn. Những con đường thương mại cũng xuất hiện ở phía đông Địa Trung Hải vào khoảng thời kỳ này. Con đường tơ lụa giữa Trung Quốc và Syria ra đời vào thiên niên kỷ thứ hai TCN. Các thành phố Trung Á và Ba Tư là ngã ba đường của các con đường thương mại đó. Các nền văn minh Phoenician và Hy Lạp đã lập ra các đế quốc ở lưu vực Địa Trung Hải vào thế kỷ I TCN nhằm kiểm soát các con đường thương mại. Vào khoảng cuối thiên niên kỷ thứ nhất, người Ả Rập và người Do Thái thống trị các con đường thương mại ở Ấn Độ Dương, Đông Á, Sahara, Địa Trung Hải và chỉ nhường ngôi này cho người Italia vào đầu thiên niên kỷ thứ hai. Trong các con đường thương mại nói trên, con đường dài nhất, tồn tại lâu bền và nổi tiếng nhất là con đường tơ lụa. Đây là con đường huyền thoại nối liền Trung Hoa rộng lớn với vùng Tây Á kỳ bí. Người Trung Hoa từ thời cổ đại đã dành thế chủ động trong việc di chuyển qua Tây Á và sang tận phương Tây để cung cấp vải lụa, gấm vóc, sa nhiễu. Mặt khác, các nhà buôn lớn của các quốc gia ở phương Tây cũng mang tiền, vàng đến Trung Hoa để trao đổi, mua bán hàng hóa kiếm lời. Sau thế kỷ XV, do nhu cầu mở rộng thị trường, người phương Tây đã dành thế chủ động khi tìm ra con đường thông thương trên biển sau các cuộc phát kiến địa lý. Nam Á, đặc biệt Ấn Độ là thị trường giàu có những mặt hàng đặc sản, cao cấp như tiêu, quế, trầm hương, lụa tơ tằm, ngà voi... cung cấp cho các nhà buôn phương Tây. Hoạt động thương mại tự do này đã giúp hàng hóa được trao đổi và mua bán để làm phong phú sản phẩm tiêu dùng, vượt ra khỏi thói quen sinh hoạt của cộng

đồng phương Tây và phương Đông. Không đơn thuần chỉ là huyết mạch thông thương buôn bán của những “thương nhân lạc đà”, con đường tơ lụa còn là một hành trình văn hóa, tôn giáo đa dạng được hòa trộn, là cầu nối giữa hai nền văn minh Đông và Tây.

Không phải ngẫu nhiên hay tình cờ, người ta tìm thấy khá nhiều biểu hiện văn hóa ngoại sinh đã xuất hiện và tồn tại ở các quốc gia có nền thương mại phát triển. Khi một cộng đồng mở cửa bang giao, sẵn sàng mua các sản phẩm văn hóa vật chất tiến bộ của một nền văn hóa khác thì cũng có nghĩa là họ phải học hỏi các phương thức và thói quen sử dụng sản phẩm đó trong đời sống sinh hoạt của mình. Hơn thế, trong quá trình xúc tiến thương mại, các sản phẩm văn hóa tinh thần bên ngoài (ngoại sinh) có cơ hội len lỏi vào cộng đồng bản địa (A.A. Radugin, 2004).

Đầu tiên, có thể chỉ là những tiếng rao hát, hành vi ứng xử, ngôn ngữ giao tiếp, nghi lễ tín ngưỡng, tôn giáo... của các thương nhân nhằm tạo sự mới lạ, hấp dẫn trí tưởng tượng đối với người dân bản xứ. Lâu dần, những biểu hiện đó trở nên gần gũi và trở thành một phần trong đời sống văn hóa nội sinh (A.A. Belik, 2000).

Là một dân tộc có văn hóa nội sinh mạnh mẽ xuất phát từ cơ tầng văn hóa Đông Nam Á bản địa nhưng Việt Nam vẫn có những tiếp xúc và giao lưu văn hóa với Ấn Độ ngay từ những thế kỷ đầu tiên sau Công nguyên. Tăng sĩ Ấn Độ đã lên tàu buôn cùng với các thương nhân sang Việt Nam bằng đường biển. Có thể kể tên một số tăng sĩ Ấn Độ và Trung Á như Ma-ha-kỳ-vực (Marajavaka), Khuru-đa-la (K'sudara) đến Việt Nam vào cuối thế kỷ II; sau đó là Tăng Khương Hội, Chi Lương Cương vào khoảng giữa thế kỷ III. Thời kỳ này, Luy Lâu - Thuận Thành - Bắc Ninh trở thành một trung tâm Phật giáo và Phật học phồn thịnh, tương đương với trung tâm Lạc Dương của Đông Hán và Bình Thành của nước Sở.

Trong suốt nhiều thế kỷ sau đó, do nằm ở cửa ngõ Đông Nam Á và thuận lợi thông thương

đường biển, Việt Nam đã có nhiều thương cảng sầm uất như Vân Đồn, Hội An, Phố Hiến, nơi diễn ra các cuộc tiếp xúc và giao lưu buôn bán với nhiều nước trên thế giới như Trung Quốc, Chiêm Thành, Java, Xiêm La, Indonesia, Nhật Bản... Bằng chứng sinh động cho hoạt động tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa giữa Việt Nam, Nhật Bản, Trung Quốc và phương Tây trong suốt thế kỷ 17 và 18 chính là phố cổ Hội An. Đây là một đô thị cổ nằm ở hạ lưu sông Thu Bồn, thuộc vùng đồng bằng ven biển tỉnh Quảng Nam, Việt Nam. Nhờ những yếu tố địa lý và khí hậu thuận lợi, Hội An đã từng là một thương cảng quốc tế sầm uất, thu hút nhiều tàu buôn nước ngoài đến giao thương, mua, bán hàng hóa. Hội An là vùng đất ghi nhiều dấu ấn của sự pha trộn, giao thoa văn hóa. Các hội quán, đền miếu mang nhiều dấu tích của người Hoa nằm bên những ngôi nhà phố truyền thống của người Việt và những ngôi nhà mang phong cách kiến trúc Nhật, Pháp. Bên cạnh những giá trị vật thể đó, Hội An còn lưu giữ một nền văn hóa phi vật thể đa dạng và phong phú.

Cuộc sống thường nhật của cư dân phố cổ với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, lễ hội văn hóa vẫn đang được bảo tồn và phát triển. Hội An được xem như một bảo tàng sống về kiến trúc và lối sống đô thị. Với những giá trị nổi bật, tại kỳ họp lần thứ 23 (4.12.1999), UNESCO đã công nhận đô thị cổ Hội An là một di sản văn hóa thế giới, dựa trên hai tiêu chí. Thứ nhất, Hội An là biểu hiện vật thể nổi bật của sự kết hợp các nền văn hóa qua các thời kỳ trong một thương cảng quốc tế. Thứ hai, Hội An là điển hình tiêu biểu về một cảng thị châu Á truyền thống được bảo tồn một cách hoàn hảo. Có thể thấy, bằng chứng về hoạt động tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa thông qua con đường thương mại vẫn còn tồn tại ở nhiều đô thị cổ và thương cảng trên khắp thế giới và Việt Nam (Từ Thị Loan & Lê Thị Kim Loan, 2013).

Vào những thế kỷ đầu Công nguyên, nhu cầu trao đổi hàng hóa giữa Trung Quốc, Ấn Độ và xa hơn là Địa Trung Hải đã mở ra tuyến đường thương

mại quan trọng trên vùng biển Đông Nam Á. Thuyền buôn của nhiều nước trên thế giới đã có mặt tại đây, mở ra quá trình giao lưu thương mại giữa Đông Nam Á với thế giới bên ngoài.

Trên con đường giao thương mại qua vùng biển lúc bấy giờ, Đông Nam Á không chỉ là nơi cung cấp nước ngọt, lương thực mà còn là nơi trao đổi những sản vật có giá trị như hồ tiêu, đậu khấu, ngọc trai, san hô,... đặc biệt là trầm hương một mặt hàng có giá trị cao. Nhiều nơi ở khu vực Đông Nam Á trở thành trung tâm buôn bán và trao đổi sản vật, hàng hóa nổi tiếng như Óc Eo, Trà Kiệu, Pa-lem-bang,... Giao lưu thương mại đã thúc đẩy giao lưu văn hóa, tác động trực tiếp đến sự ra đời và phát triển các vương quốc cổ Đông Nam Á từ đầu Công nguyên đến thế kỷ X. Theo con đường giao lưu thương mại, các nền văn hóa ngoài khu vực đã lan tỏa đến Đông Nam Á.

Từ thế kỷ III, người Ấn Độ đã chiếm ưu thế trong buôn bán và truyền bá văn hóa Ấn Độ vào khu vực này. Văn hóa Ấn Độ ảnh hưởng trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tôn giáo Ấn Độ là Hin-đu giáo và Phật giáo nhanh chóng hòa quyện với tín ngưỡng bản địa và ảnh hưởng đến nền văn hóa của các vương quốc trong khu vực. Phù Nam, các vương quốc trên đảo Xu-matra, đảo Gia-va và vương quốc Pa-gan của người Miến chịu ảnh hưởng từ Phật giáo. Trong khi đó, Hin-đu giáo lại khá phổ biến ở Chăm-pa, Chân Lạp. Cùng với tôn giáo, chữ Phạn trở thành văn tự chính của nhiều vương quốc trong buổi đầu thành lập. Về sau, các tộc người ở Đông Nam Á đã dần cải biến chữ Phạn thành chữ viết riêng như chữ Chăm cổ, chữ Khor-me cổ, chữ La Mã cổ. Văn hóa Ấn Độ lan tỏa đến Đông Nam Á đã góp phần tạo nên một nền nghệ thuật độc đáo của khu vực. Khu đền tháp Mỹ Sơn (Việt Nam) và quần thể Bô-rô-đu-bua (Indônêxia) là hai công trình kiến trúc tiêu biểu của Đông Nam Á trước thế kỷ X ([loigiaihay.com](https://loigiaihay.com), Lý thuyết về giao lưu thương mại và văn hoá mười thế kỷ đầu công nguyên. <https://loigiaihay.com/ly-thuyet-giao-luu-thuong-mai-va-van-hoa-muoi-the-ki-dau-cong-nguyen-lich-su-6-chan-troi-sang-tao-a89928.html>).

### 2.3. Con đường chiến tranh

Con đường chiến tranh Lịch sử nhân loại đã chứng kiến nhiều trận chiến không những ác liệt mà còn làm thay đổi số phận của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Có cuộc chiến mở ra niềm hy vọng tự do, độc lập nhưng cũng có những cuộc chiến bắt đầu cho một thời kỳ đen tối, điêu tàn. Cuộc chiến tranh lớn nhất và rộng nhất thời kỳ cổ đại phải kể đến là cuộc chiến do Alexandros III của Macedonia (Alexandros đại đế) - một chiến lược gia quân sự vĩ đại nhất trong lịch sử - khởi xướng. Cuối thế kỷ IV TCN, Alexandros Macedonia chinh phục phương Đông đến tận miền Tây Bắc Ấn Độ. Sự việc này đã để lại một hậu quả khách quan là thúc đẩy sự giao lưu về kinh tế, văn hóa giữa hai khu vực. Sau khi đế quốc Macedonia tan rã, trên đất đai mà Alexandros chinh phục được ở Tây Á và Đông Bắc châu Phi đã hình thành các quốc gia như Ai Cập của vương triều Ptolêmê, Xini của vương triều Xêlocut, Pecsгаммum, Băctoria mà lịch sử gọi là những nước Hi Lạp hóa (giai đoạn lịch sử từ khi Alexandros bắt đầu chinh phục phương Đông - năm 334 TCN - đến khi Ai Cập bị biến thành một tỉnh của La Mã - năm 30 TCN - gọi là thời kỳ Hy Lạp hóa) (A.A. Belik, 2000).

Trong thời kỳ này, quan hệ buôn bán giữa phương Đông với phương Tây được đẩy mạnh, các thành thị phát triển, tri thức được phổ biến lan tỏa từ Tây sang Đông. Ảnh hưởng của văn hóa Hi Lạp đối với phương Đông còn thể hiện rõ rệt ở mặt nghệ thuật kiến trúc và điêu khắc. Thậm chí, ở các nước Ấn Độ xa xôi, các tượng Phật được tạo nên trong thời kỳ muộn hơn cũng chịu ảnh hưởng rõ rệt của nghệ thuật điêu khắc Hi Lạp. Ngược lại, phương Tây đã tiếp thu nhiều kiến thức về toán học và thiên văn học của phương Đông, đặc biệt là phép làm lịch. Cuộc chiến lớn thứ hai ở phương Tây nhưng là cuộc chiến lớn nhất thời Trung đại là cuộc viễn chinh của Thập tự quân hay phong trào Thập tự chinh. Do sự hô hào của giáo hoàng La Mã, từ đầu thế kỷ XI đến cuối thế kỷ XIII, các đoàn kỵ sĩ một số nước

Tây Âu, với hình cây thánh giá khâu trên áo, đã tiến hành 8 cuộc viễn chinh sang phương Đông. Những cuộc chiến tranh này đã đem lại rất nhiều thảm họa cho cư dân đông Địa Trung Hải nhưng cũng góp phần thúc đẩy sự tiếp xúc văn minh giữa hai bộ phận quan trọng của thế giới lúc bấy giờ.

Vào thời kỳ này, do sự suy thoái về văn hóa, phương Tây lạc hậu hơn phương Đông rất nhiều. Qua phong trào viễn chinh, người Tây Âu đã học tập một số nghề mới như làm giấy, làm thủy tinh, làm thuốc súng, kỹ thuật tiên tiến trong nghề dệt, nghề luyện kim; học tập được cách trồng một số giống cây mới như lúa, kiêu mạch, chanh, dưa hấu v.v... Việc truyền bá các thứ đó sang phương Tây, một phần là do người Ả rập truyền qua Tây Ban Nha, một phần do quân Thập tự trực tiếp học kinh nghiệm và đưa trực tiếp từ phương Đông về.

Ngoài ra, qua tiếp xúc với phương Đông, giai cấp phong kiến Tây Âu đã học tập được nhiều điều mới mẻ trong cuộc sống hàng ngày như các nghi thức ở cung đình, những cử chỉ tao nhã, cách giao tiếp lịch sự, cách để tóc, để râu, cách tắm rửa v.v... Do vậy, đời sống văn hóa trong xã hội Tây Âu đã có một bước tiến rõ rệt (A.A. Belik, 2000).

Một cuộc chiến có qui mô cực lớn và trải dài từ Đông sang Tây là cuộc chiến được thực hiện bởi Đế quốc Mông Cổ. Đế quốc này xuất hiện khi các bộ lạc Mông Cổ và Đột Quyết thống nhất dưới quyền lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn năm 1206. Dưới sự lãnh đạo của ông, đế quốc này đã tiến hành các cuộc xâm lược theo mọi hướng, thôn tính liên lục địa rộng lớn, kết nối phương Đông và phương Tây, thực thi hòa bình kiêu Mông Cổ, cho phép mậu dịch, công nghệ, hàng hóa và phổ biến tri thức. Tuy nhiên, do lúc này, chế độ phong kiến ở phương Đông đã định hình và phương Tây đang rơi vào tình trạng bất ổn vì các cuộc thập tự chinh nên tầm ảnh hưởng về văn hóa của đế quốc Nguyên Mông chỉ mang tính chất tức thời, không ăn sâu, bám rễ trong đời sống văn hóa của các quốc gia bị Nguyên Mông thôn tính. Có lẽ, những cuộc chiến tạo ra sự tiếp

xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa mạnh mẽ giữa các quốc gia/dân tộc còn nhiều dấu ấn đến ngày nay chính là các cuộc chiến nhằm thôn tính thuộc địa (Từ Thị Loan & Lê Thị Kim Loan, 2013).

Sau các cuộc phát kiến địa lý, các cuộc cách mạng công nghiệp, các cuộc cách mạng tư sản, một số nước châu Âu như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Anh, Pháp, Hà Lan nổi lên như các đế quốc siêu cường, những kẻ chinh phục mạnh nhất và có ảnh hưởng lớn nhất. Trong một loạt các cuộc chiến diễn ra vào thế kỷ XVII và XVIII, Anh quốc nổi lên là siêu cường đầu tiên và mạnh nhất của thế giới. Nó là một đế quốc trải rộng khắp quả đất, có lúc đã kiểm soát gần một phần tư bề mặt lục địa thế giới, trên đó “mặt trời không bao giờ lặn”. Ngay sau khi xâm chiếm châu Mỹ, người châu Âu đã dùng phương thức truyền giáo, đồng thời sử dụng các tiến bộ kỹ thuật để chinh phục các dân tộc ở châu Á, châu Phi. Đầu thế kỷ XIX, người Anh chiếm quyền kiểm soát tiểu lục địa Ấn Độ, Ai Cập, Malaysia, Australia, New Zealand và Nam Phi; người Pháp chiếm Đông Dương; người Hà Lan chiếm Đông Ấn.

Vào cuối thế kỷ XIX, những vùng cuối cùng ở châu Phi còn chưa bị xâm chiếm được các nước châu Âu đem ra chia chác với nhau. Sau khoảng một thế kỷ bị thôn tính, các nước thuộc địa tuy đã bị khai thác kiệt quệ về tài nguyên và nhân lực nhưng lịch sử ghi nhận rằng, hầu hết các nước này đã có sự thay đổi lớn về diện mạo kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Cuộc tiếp xúc văn minh phương Tây thời kỳ cận đại đã làm thay đổi về chất nền văn hóa của nhiều nước. Lúc này, các nước thuộc địa bị cưỡng chế tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa với người phương Tây. Họ phải trực tiếp xử lý mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố nội sinh với các yếu tố ngoại sinh, kết quả có thể diễn ra theo hai trạng thái: một là, yếu tố ngoại sinh lấn át triệt tiêu yếu tố nội sinh và hai là, yếu tố ngoại sinh dần dần trở thành yếu tố nội sinh. Nhìn ở thái độ của tộc người chủ thể, sự tiếp nhận yếu tố ngoại sinh cũng có hai dạng: một là tự nguyện; hai là, bị cưỡng bức có nghĩa là bị áp đặt văn hóa.

Sau năm 1885, Pháp đã đặt xong bộ máy cai trị ở Việt Nam và thực thi một chính sách văn hóa nhằm củng cố địa vị thống trị của chúng ở Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng. Văn hóa Việt Nam giai đoạn này có hai đặc trưng lớn: một là, tiếp xúc, cưỡng bức và giao thoa văn hóa Việt - Pháp; hai là, giao lưu văn hóa tự nhiên - Việt Nam với các nước Đông, Tây. Nhìn chung, văn hóa Việt nam có sự thay đổi rõ rệt về văn hóa vật chất (đô thị, giao thông, kiến trúc, trang phục) và văn hóa tinh thần (chữ viết, hội họa, âm nhạc, văn chương, báo chí). Nhìn vào diễn trình văn hóa Việt Nam, đây là giai đoạn tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa mạnh mẽ nhất trong lịch sử dân tộc (Trần Quốc Vượng, 2012).

#### **2.4. Con đường viễn thông điện tử**

Một con đường dẫn đến việc tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hóa chưa từng được tổng kết trong các lý thuyết truyền bá luận và các nghiên cứu về văn hóa giai đoạn cuối thế kỷ XX, đó là con đường viễn thông điện tử. Hiện tượng giao lưu và tiếp biến văn hóa chỉ diễn ra khi có sự tiếp xúc văn hóa trực tiếp giữa các cộng đồng/tộc người với nhau (được hiểu một cách cơ học là đặt cạnh nhau, chạm vào nhau) dường như đã không còn phù hợp trong bối cảnh nhân loại bước sang thời kỳ văn minh hậu công nghiệp (hay còn được gọi là văn minh tin học, văn minh tri thức, văn minh kỹ nguyên số).

Những năm 40 của thế kỷ XX, với sự ra đời của máy tính và hơn 20 năm sau đó là sự ra đời của mạng internet, khoảng cách về không gian của các quốc gia/dân tộc trên toàn thế giới đã được rút ngắn. Bất cứ quốc gia/dân tộc nào cũng có thể tương tác với nhau, kết nối và chia sẻ mọi thông tin trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội thông qua con đường viễn thông điện tử (A. SchultzEmily & H. LavendaRobert, 2001).

Trước hết, xét về mặt từ ngữ, viễn thông là một từ Hán - Việt có nghĩa là thông tin từ xa hay được hiểu là việc truyền dẫn thông tin giao tiếp qua một khoảng cách đáng kể về địa lý. Vào thời xa xưa, viễn thông là việc dùng các tín hiệu hình ảnh như đèn hiệu, khói, cờ hoặc tín hiệu âm

thanh như tù và, trống, còi... nhằm truyền đi những thông tin ngắn gọn, cần thiết để chào mừng, cảnh báo, chỉ dẫn... Thời hiện đại, viễn thông là việc dùng các thiết bị điện như máy điện báo, điện thoại, máy telex hoặc thiết bị điện tử như viba, sợi quang kết hợp với vệ tinh thông tin và internet. Như vậy, có thể hiểu, viễn thông điện tử (Electronic Telecommunications) là hình thức trao đổi thông tin qua những khoảng cách tương đối lớn bằng các phương tiện điện tử. Nhờ có sự tiến bộ không ngừng của khoa học, viễn thông điện tử đã đạt được rất nhiều thành tựu, đặc biệt là trong ngành truyền thông.

Nhờ có viễn thông điện tử, các cá nhân và các cộng đồng khác nhau có thể cùng một lúc được tiếp nhận thông tin mới hoặc thông tin cần thiết một cách nhanh nhất mà không bị giới hạn bởi không gian. Các vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa của các nước, các khu vực khác nhau liên tục được cập nhật xuyên quốc gia và đang bị toàn cầu hóa. Thực chất, toàn cầu hóa là quá trình xuất phát từ những hoạt động tiếp xúc, giao lưu giữa nhiều quốc gia với nhau trên các phương diện kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học kỹ thuật và đi tới thống nhất với nhau trên nhiều yếu tố (A.A. Belik, 2000).

Có thể thấy, các thay đổi trong xã hội tạo ra bởi mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức hay các cá nhân đang diễn ra liên tục, một phần thông qua việc tiếp xúc trực tiếp song phần lớn là kết nối qua viễn thông điện tử hay truyền thông không dây. Sự ra đời của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Liên minh châu Âu (EU), Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)... vào giữa và cuối thế kỷ XX đã thúc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hóa. Một mặt nó nhanh chóng xã hội hóa lực lượng sản xuất, đưa lại sự tăng trưởng cao cho các quốc gia, góp phần chuyển biến cơ cấu kinh tế; mặt khác, toàn cầu hóa cũng tạo ra nguy cơ đánh mất bản sắc dân tộc và độc lập tự chủ của nhiều quốc gia.

Không phải ngẫu nhiên mà có mối liên hệ mật thiết giữa viễn thông điện tử với hoạt động tiếp xúc,

giao lưu, tiếp biến văn hóa và quá trình toàn cầu hóa. Khác với các giai đoạn trước, con đường di dân, thương mại và chiến tranh là điều kiện “cần” để các cộng đồng/dân tộc có thể tiếp xúc với nhau; giao lưu là điều kiện “đủ” để dẫn tới sự tiếp biến trên các phương diện, đặc biệt là văn hóa của một cộng đồng hoặc dân tộc nào đó. Ngày nay, viễn thông điện tử chính là điều kiện “cần” để tạo ra sự tiếp xúc và toàn cầu hóa dường như là điều kiện “đủ” để các quốc gia/dân tộc biến đổi một cách mạnh mẽ, vừa tiến bộ, văn minh nhưng cũng có nguy cơ hòa tan và đánh mất bản sắc. Có thể mô tả quá trình đó như sau: Viễn thông điện tử - tiếp xúc, giao lưu - toàn cầu hóa - tiếp biến văn hóa tiếp xúc, giao lưu văn hóa là một hiện tượng tất yếu, khách quan và phổ biến trong sự phát triển của các nền văn hóa. Văn hóa có tính bền vững và ổn định tương đối nhưng nó cũng luôn đòi hỏi có sự giao lưu, tiếp biến thường xuyên, không chấp nhận sự khép kín.

Lịch sử cũng cho thấy, những nền văn minh/văn hóa lớn nếu đóng cửa (bế quan tỏa cảng), tự giam mình hoặc tự tôn thái quá, có thể đưa đến sự xói mòn và tụt hậu. Ngược lại, nếu quá trình giao lưu diễn ra quá mạnh mẽ, nguy cơ một dân tộc nào đó bị hòa tan hoặc đánh mất bản sắc, thậm chí có thể suy vong, cũng là điều tất yếu. Hiện tượng tiếp xúc và hội nhập văn hóa với các quá trình tiếp nhận, điều chỉnh, đồng hóa... là hiện tượng phổ biến trong đời sống nhân loại, thể hiện năng lực thích ứng của mỗi cộng đồng trong suốt tiến trình tồn tại và phát triển của mình (Vũ Dương Ninh, 2012).

**Như vậy**, vấn đề các con đường giao lưu văn hoá quốc tế được khái quát từ cổ đến kim, từ Tây sang Đông qua nghiên cứu đã khẳng định rằng: giao lưu và tiếp biến văn hóa là sự tiếp nhận hay kế thừa văn hóa nước ngoài bởi dân tộc chủ thể xuất phát từ thực tiễn tất yếu. Một dân tộc sẽ có thái độ chủ động tiếp thu khi có sẵn bản lĩnh hay nội lực văn hóa mạnh mẽ. Một dân tộc hay một cộng đồng thiếu bản lĩnh hoặc cơ tầng văn hóa bản địa mỏng và yếu sẽ luôn trong thế

thụ động khi tiếp thu văn hóa nhân loại và rất dễ bị áp đặt hay đồng hóa về văn hóa.

### 3. Vấn đề vận dụng trong quản lý hoạt động giao lưu quốc tế của các trường phổ thông ở Việt Nam

Tổng quan vấn đề về các con đường giao lưu văn hoá quốc tế là cơ sở luận, là tiền đề giúp các nhà trường phổ thông hiện nay tiếp cận, vận dụng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế và quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế của chính tổ chức một cách tích cực và hiệu quả, cụ thể giúp các trường phổ thông: Xác định được tính tất yếu của việc tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hoá quốc tế trong bối cảnh hiện nay; Xác định được việc hội nhập và giao lưu văn hoá quốc tế là một mục tiêu trong giáo dục và quản lý giáo dục; Xác định được tâm thế để chủ động đón nhận sự thay đổi và sẵn sàng thay đổi trong giao lưu văn hoá quốc tế; Xác định được nội lực và ngoại lực để quản lý rủi ro, tránh được sự áp đặt khiên cưỡng hoặc nguy cơ đồng hóa văn hoá trong giáo dục; Xác định được những giải pháp quản lý hiệu nghiệm và hiệu quả phù hợp với tinh thần chỉ đạo của ngành và thực tế của nhà trường.

### 4. Kết luận

Tổng quan vấn đề về các con đường giao lưu văn hoá quốc tế qua nghiên cứu đã chỉ ra quy luật khách quan trong tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn

hoá của nhân loại. Đó là quá trình xử lý mối quan hệ biện chứng giữa yếu tố nội sinh và yếu tố ngoại sinh của chính quá trình diễn ra sự giao lưu văn hoá quốc tế với bốn (4) con đường tất yếu dẫn đến sự tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hoá quốc tế:

(1) Giao lưu văn hoá quốc tế qua con đường di dân (thiên di);

(2) Giao lưu văn hoá quốc tế qua con đường thương mại;

(3) Giao lưu văn hoá quốc tế qua con đường chiến tranh;

(4) Giao lưu văn hoá quốc tế qua con đường viễn thông điện tử.

Quy luật khách quan trong tiếp xúc, giao lưu và tiếp biến văn hoá của nhân loại qua nghiên cứu sẽ kỳ vọng trong việc làm cơ sở luận cho nhiều mục tiêu tiếp theo: Hỗ trợ các trường phổ thông xác định được mục tiêu, thực trạng và giải pháp để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế; bổ sung vào chương trình bồi dưỡng năng lực cho cán bộ quản lý trường phổ thông về lĩnh vực quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế; giúp các giảng viên, giáo viên và cán bộ quản lý quan tâm hoạt động này có thêm tài liệu tham khảo để tiếp tục nghiên cứu và vận dụng trong quản lý hoạt động giao lưu văn hoá quốc tế.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

A.A. Belik. (2000). *Văn hóa học - Những lý thuyết nhân học văn hóa*, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật xuất bản, Hà Nội).

A.A. Radugin. (2004). *Văn hóa học - Những bài giảng* (dịch từ tiếng Nga), Viện Văn hóa - Thông tin xuất bản, Hà Nội.

A. SchultzEmily -H. LavendaRobert. (2001). *Nhân học - Một quan điểm về tình trạng nhân sinh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

Lê Thị Kim Loan. (2006). *Các con đường giao lưu văn hóa quốc tế*, Đại học Văn hóa.

Từ Thị Loan., Lê Thị Kim Loan. (2013). *Bài giảng môn học Các lý thuyết văn hóa*, Trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

Vũ Dương Ninh. (chủ biên, 2012). *Lịch sử văn minh thế giới*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Trần Quốc Vượng. (2012). *Cơ sở văn hóa Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

<https://loigiaihay.com/ly-thuyet-giao-luu-thuong-mai-va-van-hoa-muoi-the-ki-dau-cong-nguyen-lich-su-6-chan-troi-sang-tao-a89928.html/>.